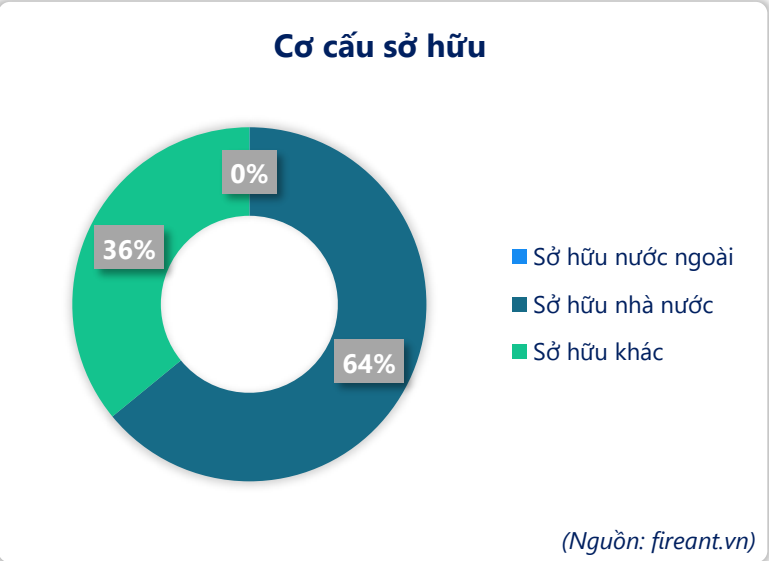
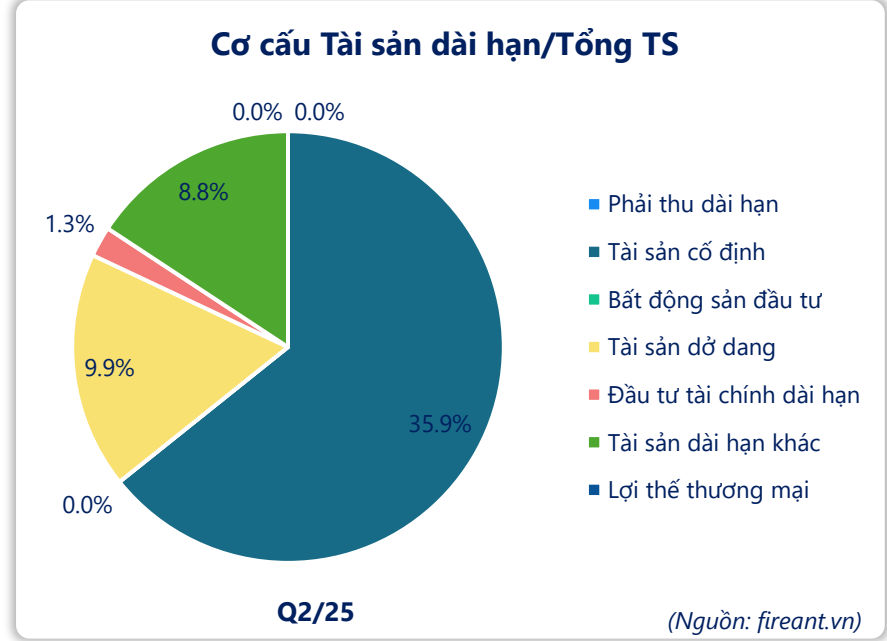
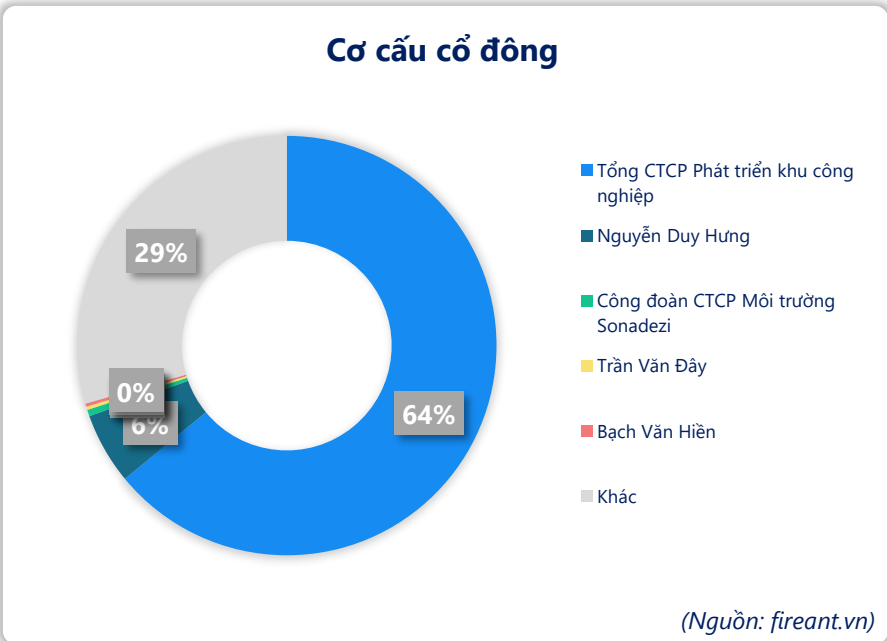
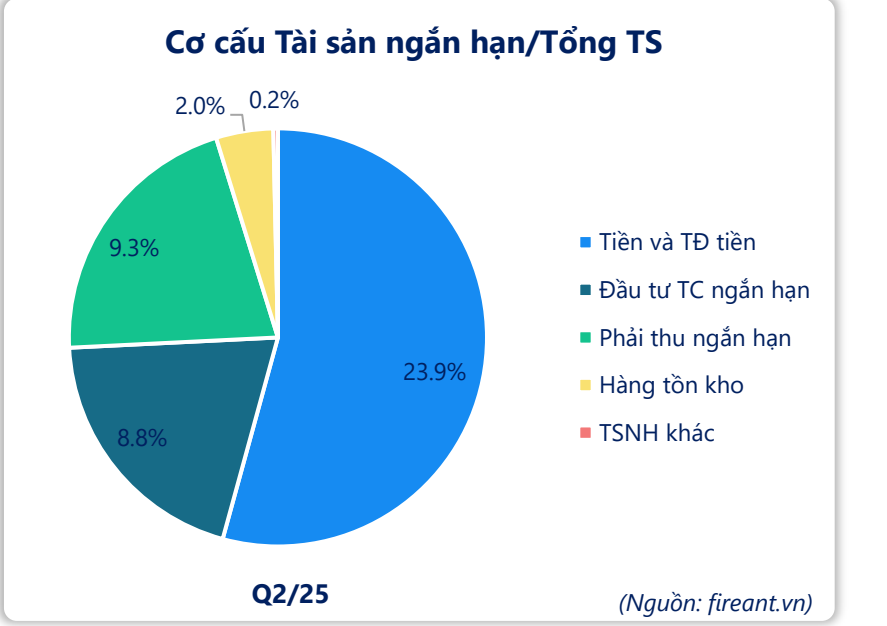
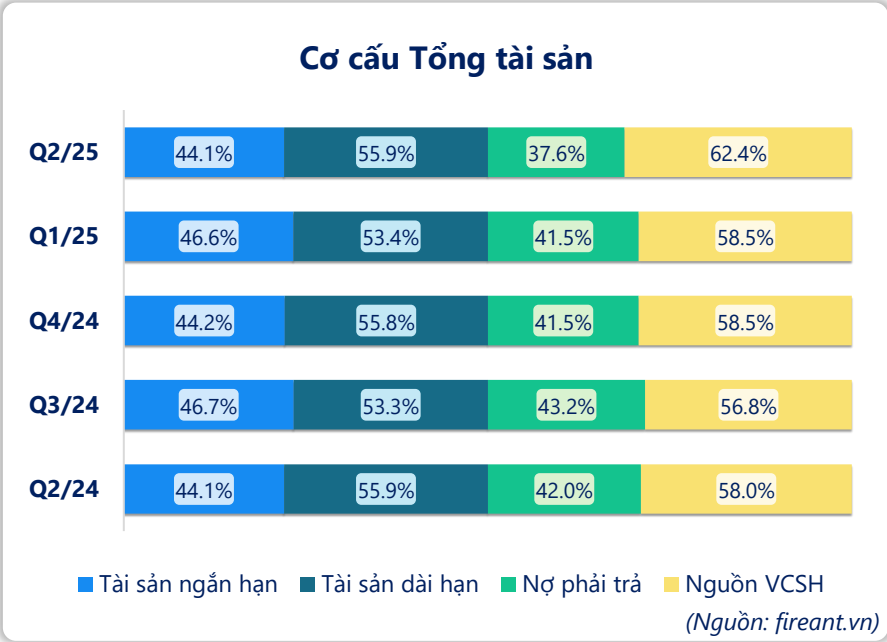


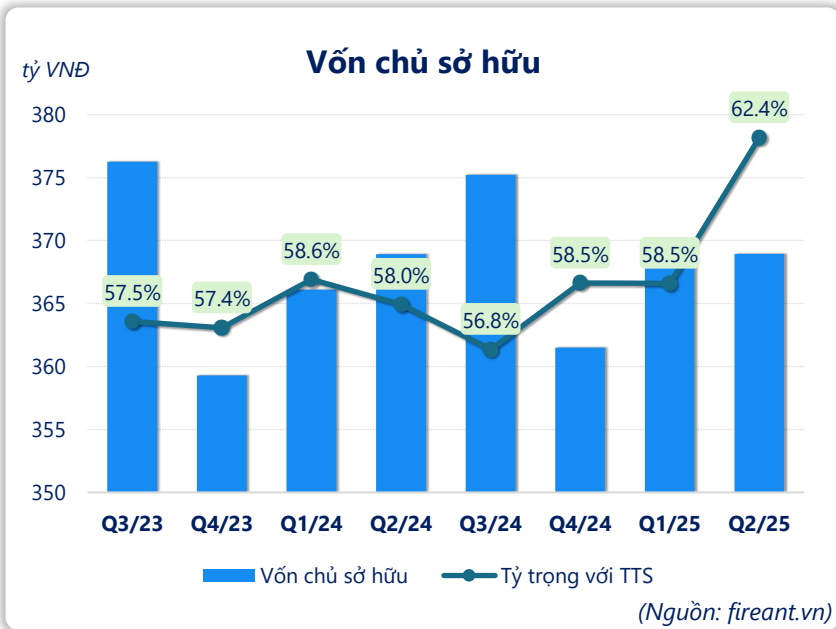
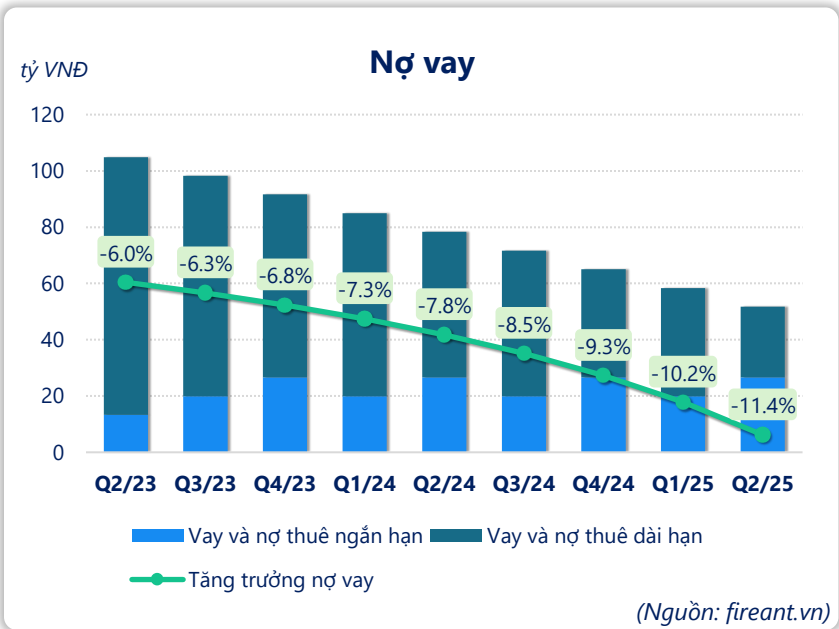
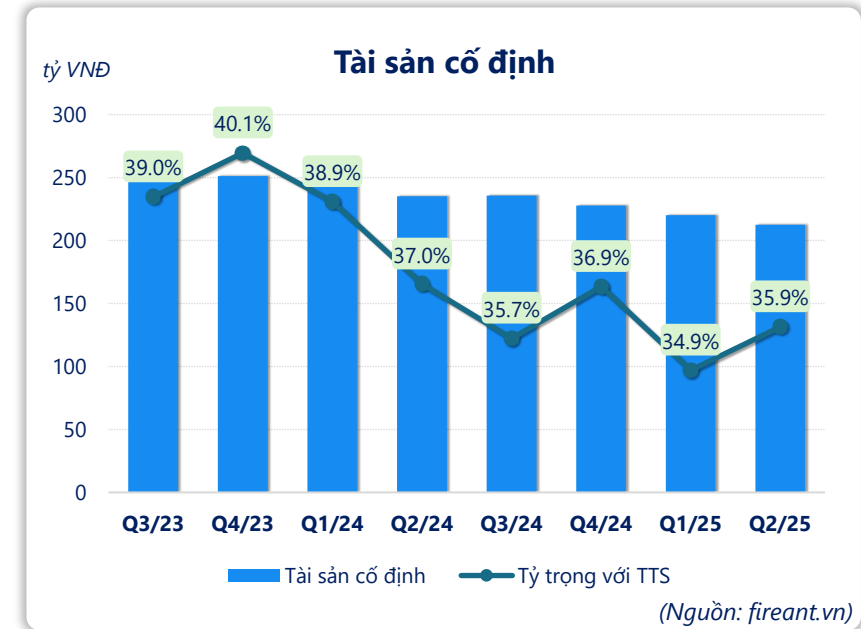
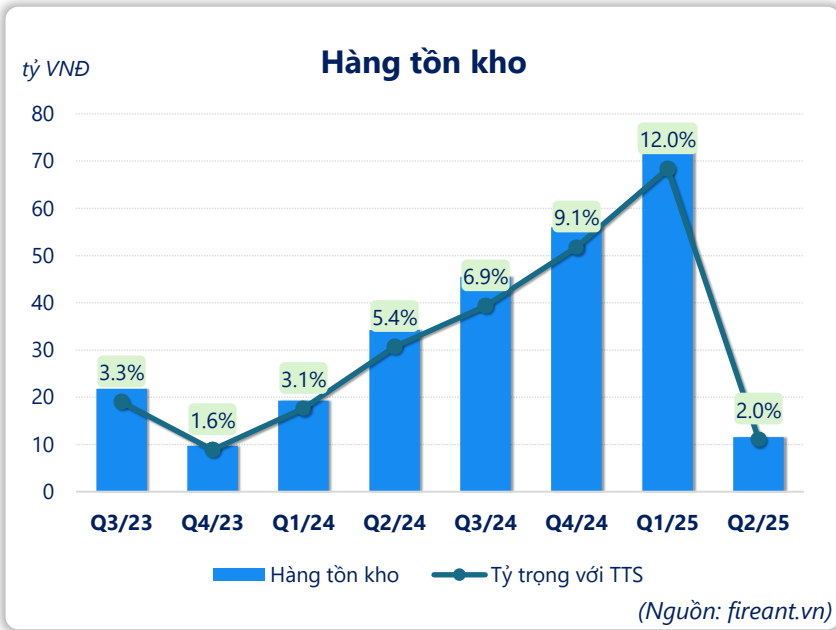
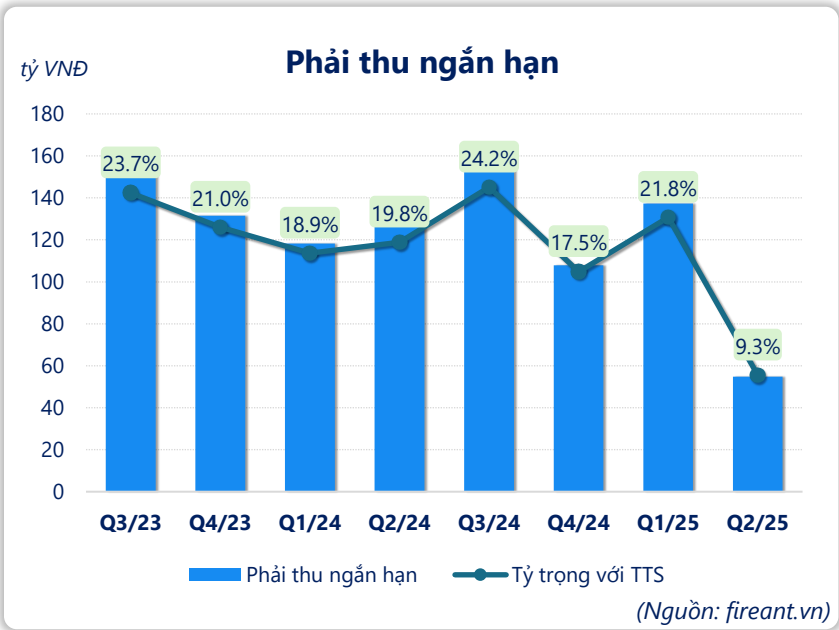
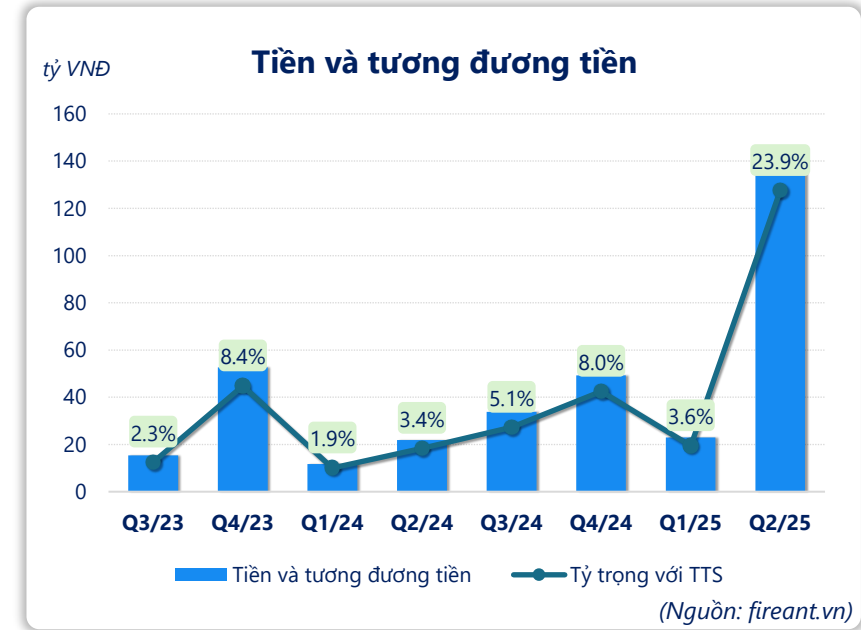
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,025
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,254
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,274
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		354
P/E		12.4
EPS		953

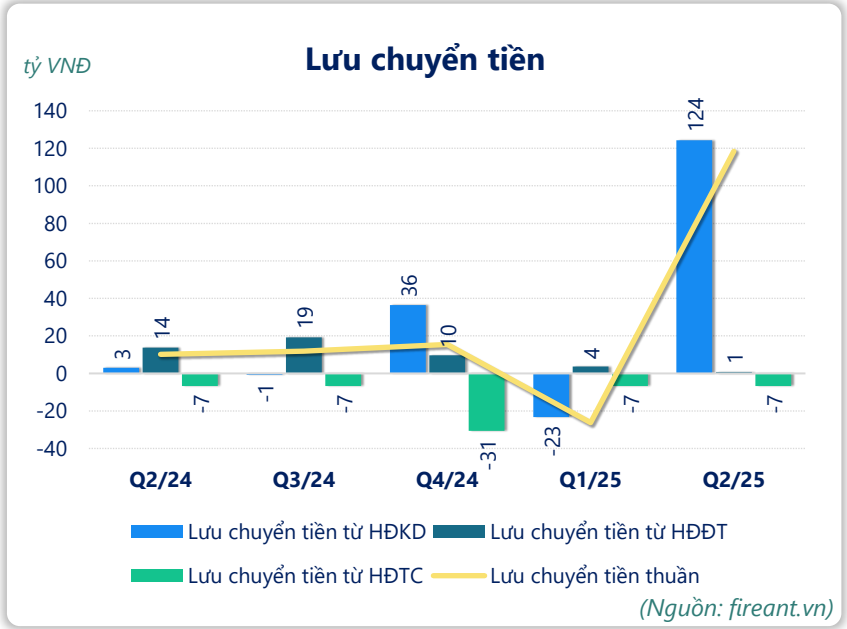
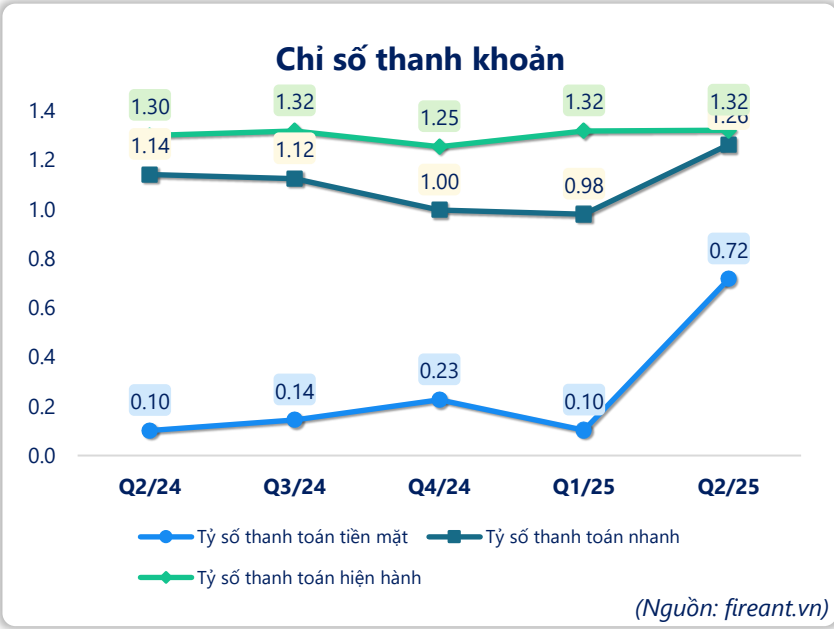
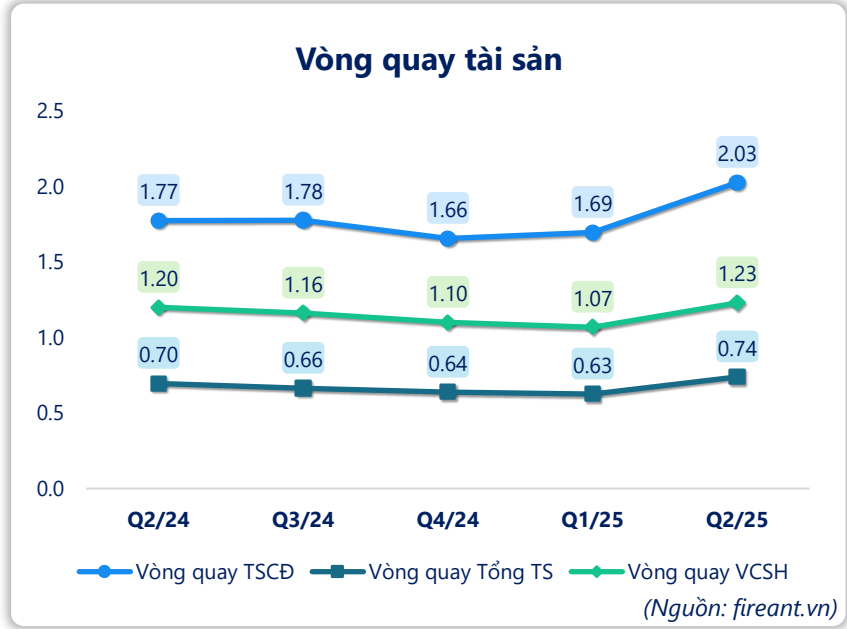
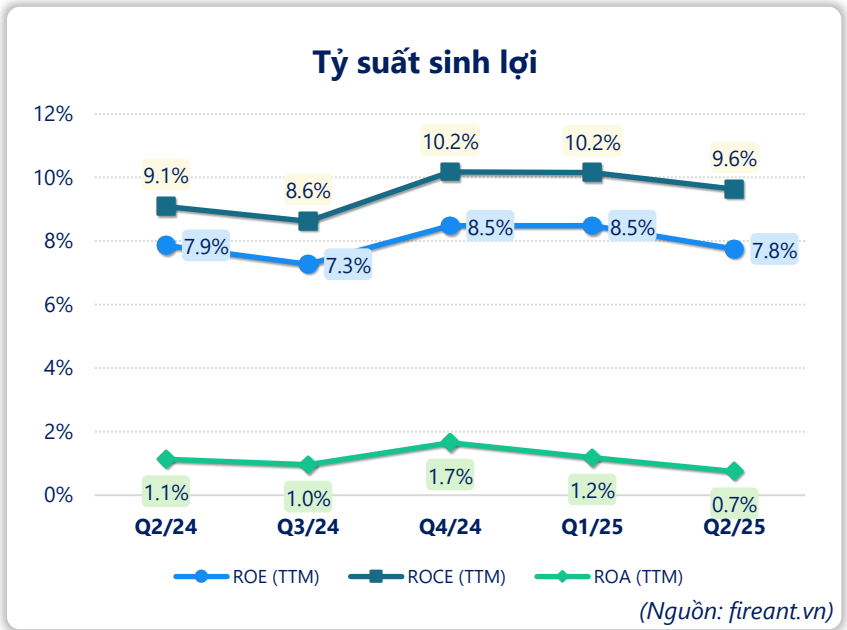
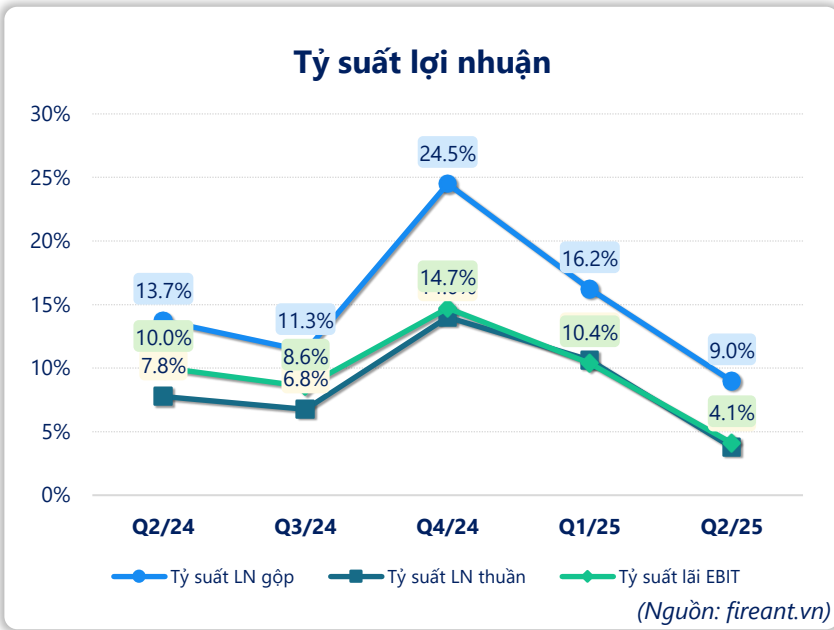
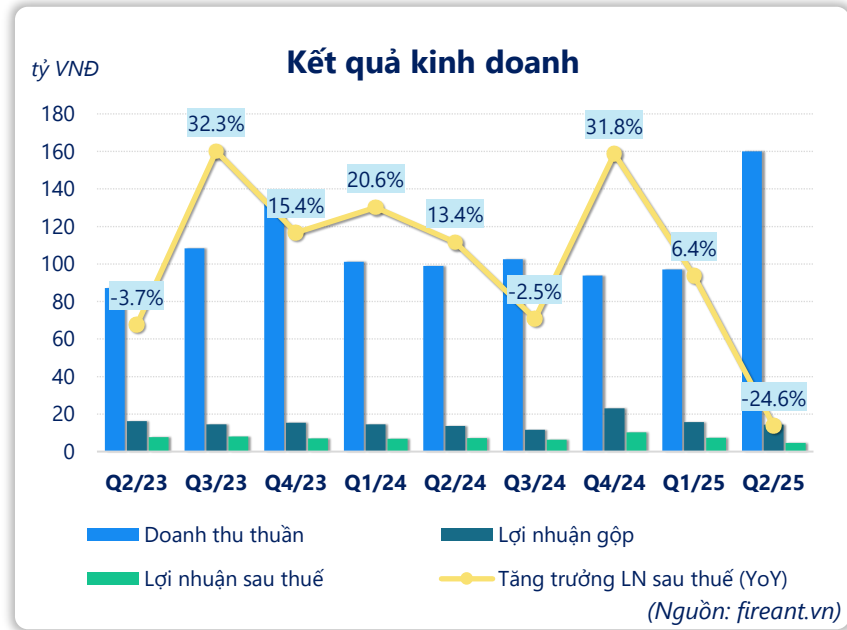
	YTD	1T	3T	6T
SZE	6.4%	7.3%	5.5%	6.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP Môi trường Sonadezi (UPCOM: SZE)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	591	618	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	261	273	-4.5%
Tiền và tương đương tiền	141	49.2	187%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	57.0	-8.8%
Phải thu ngắn hạn	54.7	108	-49.3%
Hàng tồn kho	11.5	56.0	-79.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	2.76	-66.8%
Tài sản dài hạn	331	345	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	213	228	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	58.7	57.6	1.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	52.0	51.7	0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	222	256	-13.1%
Nợ ngắn hạn	197	218	-9.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	26.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.5	44.9	-16.4%
Nợ dài hạn	25.2	38.5	-34.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	38.5	-34.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	369	362	2.1%
Vốn chủ sở hữu	369	362	2.1%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	98.9	103	93.8	97.1	160
Giá vốn hàng bán	85.3	90.9	70.8	81.4	146
Lợi nhuận gộp	13.6	11.6	23.0	15.8	14.4
Doanh thu HĐTC	1.01	2.05	0.70	0.82	0.66
Chi phí TC	0.62	0.57	0.52	0.46	0.43
Chi phí lãi vay	0.62	0.57	0.52	0.46	0.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.28	6.19	10.0	5.79	8.57
LN thuần từ HĐKD	7.69	6.93	13.1	10.3	6.02
Lợi nhuận khác	1.60	1.27	0.15	-0.69	0.12
LN trước thuế	9.29	8.20	13.3	9.63	6.14
Lợi nhuận sau thuế	7.16	6.30	10.3	7.43	4.58
LNST của CĐ cty mẹ	7.16	6.30	10.3	7.43	4.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.00	-0.75	36.4	-23.2	124
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.8	19.3	9.68	3.65	0.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.65	-6.65	-30.6	-6.65	-6.65
Tiền đầu kỳ	11.7	21.9	33.8	49.2	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	10.1	11.9	15.4	-26.2	118
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.9	33.8	49.2	23.0	141

(Nguồn: fireant.vn)